

VIỆT NAM – EFTA (VEFTA)

Các tác động đến công ty niêm yết
trong danh mục theo dõi



Nội dung tóm tắt

Tổng quan thương mại

Năm 2025, thương mại Việt Nam-EFTA đạt khoảng US\$5,2 tỷ, với Việt Nam thặng dư US\$2,7 tỷ (bao gồm xuất nhập khẩu gián tiếp qua nước thứ ba). Tuy nhiên, quy mô thị trường nhóm EFTA tương đối nhỏ so với các đối tác thương mại chính của Việt Nam (~ 3.3%-7% so với nhóm EU tính theo dân số và GDP danh nghĩa).

Tác động thuế quan của VEFTA

Xuất khẩu Việt Nam được hưởng lợi tích cực nhưng tương đối hạn chế, chủ yếu ở dệt may và thủy sản.
Chiều ngược lại, Việt Nam giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình 3-10 năm, gia tăng cạnh tranh nội địa ở một số mặt hàng.

Tác động doanh nghiệp niêm yết trong danh mục theo dõi

VHC, ANV và TNG: hưởng lợi tích cực hơn so với trung bình ngành
MSH, PPH: hưởng lợi ở mức trung bình ngành
VNM: chịu áp lực cạnh tranh nhẹ
GMD: hưởng lợi từ thương mại Việt Nam gia tăng
SAB: tác động không đáng kể



Bối cảnh

Tổng quan về khối EFTA và quan hệ thương mại với Việt Nam

- EFTA (Hiệp hội Mậu dịch tự do Châu Âu - European Free Trade Association) là một tổ chức liên chính phủ được thành lập vào năm 1960 nhằm thúc đẩy thương mại tự do và hội nhập kinh tế giữa các quốc gia thành viên. Các quốc gia thành viên gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein.
- Quy mô thương mại của khối EFTA với Việt Nam trong năm 2025 đạt khoảng 5.2 tỷ USD (bao gồm XNK gián tiếp qua nước thứ ba) và Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại khoảng 2.7 tỷ USD.
- So với các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như EU, Mỹ và Trung Quốc, quy mô dân số của khối EFTA khá khiêm tốn. Tuy nhiên, khi xét về GDP bình quân đầu người, khối EFTA ghi nhận con số cao hơn so với các thị trường này.
- Trong năm 2025, giá trị xuất khẩu và nhập khẩu trực tiếp của Việt Nam và khối EFTA đạt lần lượt 405.1 triệu USD và 1.5 tỷ USD, chiếm lần lượt 0.1% và 0.3% tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu trực tiếp của Việt Nam. Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là Thủy sản (52.8 triệu USD), Máy tính (44.2 triệu USD), Máy móc thiết bị (39 triệu USD), Phương tiện vận chuyển (42.3 triệu USD), Giày dép (49.3 triệu USD), Hàng dệt may (26.9 triệu USD). Các mặt hàng nhập khẩu chính gồm: Thủy sản (398.6 triệu USD), Máy móc thiết bị (372.9 triệu USD), Máy tính (116.6 triệu USD), Dược phẩm (120.6 triệu USD). Ngoại trừ thủy sản nhập khẩu, hầu hết các nhóm hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và khối EFTA không chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị xuất nhập khẩu.

Thị trường EFTA so với các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (2025)

	EFTA	EU	Mỹ	Trung Quốc
Dân số	~ 15 triệu	~ 452 triệu	~ 342 triệu	~ 1.4 tỷ
GDP danh nghĩa	1.6 nghìn tỷ USD	22.8 nghìn tỷ USD	30.8 nghìn tỷ USD	19.8 nghìn tỷ USD
Quy mô thương mại với Việt Nam (*)	5.2 tỷ USD	74 tỷ USD	170 tỷ USD	256 tỷ USD
Thâm hụt/thặng dư thương mại của Việt Nam (*)	2.7 tỷ USD	38.6 tỷ USD	134 tỷ USD	-115.6 tỷ USD

*Quy mô thương mại và thâm hụt/thặng dư của Việt Nam bao gồm XNK gián tiếp qua nước thứ ba
Nguồn: Mirae Asset Vietnam Research

Bối cảnh (tt.)

Giá trị xuất nhập khẩu trực tiếp giữa Việt Nam và khối EFTA năm 2025							
Việt Nam nhập khẩu từ EFTA				Việt Nam xuất khẩu sang EFTA			
Nhóm hàng hóa	Giá trị (triệu USD)	Tổng nhập khẩu của VN (triệu USD)	%	Nhóm hàng hóa	Giá trị (triệu USD)	Tổng xuất khẩu của VN (triệu USD)	%
Sữa và các sản phẩm từ sữa	24.5	1,436.4	1.7%	Sản phẩm thủy sản	52.8	11,284.7	0.5%
Các chế phẩm thực phẩm ăn được khác	7.7	1,337.4	0.6%	Trái cây và rau củ	7.8	8,559.8	0.1%
Hóa chất	22.5	8,084.8	0.3%	Sản phẩm nhựa	5.3	7,472.4	0.1%
Sản phẩm hóa chất	31.6	8,112.6	0.4%	Túi xách, túi xách, vali, mũ bảo hiểm và ô	12.4	4,614.4	0.3%
Vật liệu dược phẩm	4.2	486.5	0.9%	Gỗ và các sản phẩm gỗ	4.0	17,202.9	0.0%
Sản phẩm dược phẩm	120.6	4,295.7	2.8%	Dệt may và may mặc	26.9	39,635.0	0.1%
Tinh dầu và nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc chế phẩm vệ sinh	6.1	1,607.1	0.4%	Giày dép	49.3	24,201.9	0.2%
Thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột và vật liệu	1.8	993.3	0.2%	Sản phẩm sắt thép	11.7	5,472.9	0.2%
Sản phẩm nhựa	33.8	10,868.2	0.3%	Máy tính, sản phẩm điện, phụ tùng và các thành phần của chúng	44.2	107,744.7	0.0%
Vải	6.3	15,198.3	0.0%	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	39.0	59,038.3	0.1%
Đá quý, kim loại quý và các sản phẩm của chúng	42.8	1,343.7	3.2%	Các phương tiện vận chuyển khác, linh kiện và phụ kiện của chúng	42.3	17,530.4	0.2%
Sản phẩm sắt thép	20.5	8,305.7	0.2%	Các sản phẩm khác	84.2	23,184.2	0.4%
Máy tính, sản phẩm điện, phụ tùng và các thành phần của chúng	116.6	150,695.0	0.1%	Hạt điều	10.9	5,228.9	0.2%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	372.9	61,010.9	0.6%	Ảnh tĩnh, máy quay video và các bộ phận của chúng	11.1	8,301.8	0.1%
Các sản phẩm khác	257.5	24,642.5	1.0%	Nội thất làm từ các vật liệu khác, không phải bằng gỗ	2.6	3,828.2	0.1%
Sản phẩm thủy sản	398.6	3,381.1	11.8%	Hóa chất	0.4	2,778.1	0.0%
Phân bón	41.5	2,181.6	1.9%				
Liechtenstein	9.7			Liechtenstein	0.1		
Tổng giá trị	1,519.1	454,926.4	0.3%		405.1	474,997.8	0.1%

Nguồn: Hải quan Việt Nam, Mirae Asset Vietnam Research

Tổng hợp các thay đổi về thuế nhập khẩu

Việt Nam xuất khẩu sang khối EFTA

- Theo thông tin từ Hiệp định thương mại VEFTA, hầu hết các nhóm sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang khối này sẽ ngay lập tức được miễn thuế nhập khẩu. Một số mã hàng hóa thuộc nhóm trái cây và rau củ được phân loại “Không áp dụng” (NC – Not Covered), trừ một khoảng thời gian nhất định trong năm ở phần cam kết của Thụy Sĩ và Na Uy. Điều này nghĩa là phía Thụy Sĩ và Na Uy không đưa ra cam kết đối với các mã hàng hóa ở nhóm NC này, mặc dù mức thuế xuất khẩu hàng trái cây và rau củ vào hai thị trường này hiện ở mức từ trung bình đến cao.
- Ở nhóm hàng được miễn thuế nhập khẩu, nhóm hàng túi xách, may mặc từ Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Na Uy được hưởng lợi khi từ mức trung bình MFN (Most favored nation - Nguyên tắc tối huệ quốc) khoảng dưới 10% về mức miễn thuế. Ở 3 thị trường còn lại là Thụy Sĩ, Iceland và Liechtenstein, hầu hết các nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu theo hiệp định VEFTA hiện cũng đang được miễn thuế hoặc chỉ chịu mức thuế trung bình MFN thấp.
- Một yếu tố khác là phần lớn các chương và mã hàng hóa được miễn thuế theo hiệp định VEFTA cũng đã và đang được miễn thuế nhập khẩu hoặc chịu mức thuế nhập khẩu rất thấp tại thị trường EFTA. Trong khi đó, các chương và mã hàng hóa đang chịu mức thuế nhập khẩu MFN trung bình cao phần nhiều được phân loại NC.

Việt Nam nhập khẩu từ khối EFTA

- Ở chiều ngược lại, trước khi ký kết VEFTA, Việt Nam duy trì mức thuế nhập khẩu MFN ở hầu hết các nhóm hàng nhập khẩu chính từ khối EFTA. Theo cam kết, phía Việt Nam sẽ giảm thuế theo lộ trình tùy vào nhóm hàng hóa. Đối với các nhóm hàng hóa nhập khẩu chính từ khối EFTA hiện nay, nhìn chung lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu sẽ kéo dài từ 3-10 năm.
- Một số mã hàng hóa trong nhóm sắt thép và thủy sản được phân loại là EL (không nằm trong phạm vi cam kết), theo chúng tôi, dự kiến sẽ tiếp tục áp dụng mức thuế MFN theo từng thời kỳ.

Kết luận chung về tác động của VEFTA lên thuế xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và khối EFTA

- Về mặt xuất khẩu, chúng tôi cho rằng với các cam kết về thuế của Hiệp định VEFTA và quy mô thương mại hai bên, các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào thị trường EFTA sẽ nhận được tác động tích cực nhưng với mức độ tương đối nhẹ, tập trung ở nhóm hàng xuất khẩu truyền thống như dệt may và thủy sản.
- Về phía nhập khẩu, trong dài hạn Việt Nam sẽ dần dần giảm thuế nhập khẩu ở hầu hết các nhóm hàng nhập khẩu chính từ khối EFTA, điều này sẽ tạo áp lực cạnh tranh lên các công ty nội địa.

Tổng hợp các thay đổi về thuế nhập khẩu (tt.)

Việt Nam xuất khẩu đến khối EFTA				
Nước EFTA	Nhóm sản phẩm	Giá trị thương mại 2025 (triệu USD)	Mức thuế trung bình áp dụng trước hiệp định	Thuế suất tại thời điểm FTA có hiệu lực
Thụy Sĩ	Sản phẩm thủy sản	34.3	MFN – Rất thấp	0%
	Trái cây và rau củ	3.4	MFN - Cao	Nhiều mã được phân loại là "Không áp dụng" hoặc vẫn phải chịu thuế nhập khẩu
	Sản phẩm nhựa	2.4	MFN - 0%	0%
	Túi xách, túi xách, vali, mũ bảo hộ và ô	3.0	MFN - 0%	0%
	Gỗ và các sản phẩm gỗ	1.2	MFN - 0%	0%
	Dệt may và may mặc	12.4	MFN - 0%	0%
	Giày dép	27.4	MFN - 0%	0%
	Sản phẩm sắt thép	10.0	MFN - 0%	0%
	Máy tính, sản phẩm điện, phụ tùng và các thành phần của chúng	44.2	MFN - 0%	0%
	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	19.0	MFN - 0%	0%
	Các phương tiện vận chuyển khác, linh kiện và phụ kiện của chúng	2.0	MFN - 0%	0%
Na Uy	Sản phẩm thủy sản	18.5	MFN - 0%	0%
	Trái cây và rau củ	4.4	MFN – Trung bình	Nhiều mã được phân loại là "Không áp dụng" hoặc vẫn phải chịu thuế nhập khẩu
	Hạt điều	10.9	MFN - 0%	0%
	Sản phẩm nhựa	2.9	MFN - 0%	0%
	Túi xách, túi xách, vali, mũ bảo hiểm và ô	9.4	MFN – Thấp	0%
	Gỗ và các sản phẩm gỗ	2.9	MFN - 0%	0%
	Dệt may và may mặc	14.5	MFN – Thấp	0%
	Giày dép	21.2	MFN - 0%	0%
	Sản phẩm sắt thép	1.4	MFN - 0%	0%
	Ảnh tĩnh, máy quay video và các bộ phận của chúng	11.1	MFN - 0%	0%
	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	19.8	MFN - 0%	0%
	Các phương tiện vận chuyển khác, linh kiện và phụ kiện của chúng	40.3	MFN - 0%	0%
Iceland	Nội thất làm từ các vật liệu khác, không phải bằng gỗ	2.6	MFN - 0%	0%
	Hóa chất	0.4	MFN - 0%	0%
	Giày dép	0.6	MFN - 0%	0%
	Sản phẩm sắt thép	0.3	MFN - 0%	0%
	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	0.2	MFN - 0%	0%

Thụy Sĩ và Liechtenstein dùng chung một không gian thuế quan và hệ thống thuế nhập khẩu
Nguồn: Hải quan Việt Nam, ITC, Hiệp định VEFTA, Mirae Asset Vietnam Research

Tổng hợp các thay đổi về thuế nhập khẩu (tt.)

Việt Nam nhập khẩu từ khối EFTA				
Nước EFTA Nhóm sản phẩm		Giá trị thương mại 2025 (triệu USD)	Mức thuế trung bình áp dụng trước hiệp định	Tiến trình cắt giảm thuế nhập khẩu
Thụy Sĩ	Sữa và các sản phẩm từ sữa	24.5	MFN – Thấp	Từ 5-10 năm, một số mã hàng hóa không áp dụng
	Các chế phẩm thực phẩm ăn được khác	7.7	MFN - Cao	Hầu hết trong 10 năm
	Hóa chất	22.5	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Sản phẩm hóa chất	26.7	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Vật liệu dược phẩm	4.2	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Sản phẩm dược phẩm	120.6	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Tinh dầu và nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc chế phẩm vệ sinh	6.1	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột và vật liệu	1.8	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Sản phẩm nhựa	33.8	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Vải	6.3	MFN – Trung bình	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Đá quý, kim loại quý và các sản phẩm của chúng	42.8	MFN – Rất thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 10 năm
	Sản phẩm sắt thép	10.5	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định,, một số trong vòng 7-10 năm, một số không áp dụng
	Máy tính, sản phẩm điện, phụ tùng và các thành phần của chúng	115.1	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	250.2	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
Na uy	Sản phẩm thủy sản	393.8	MFN – Trung bình	Từ 3-10 năm, một số không áp dụng
	Sản phẩm hóa chất	4.9	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Phân bón	41.5	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Sản phẩm sắt thép	10.0	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm, một số không áp dụng
	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	119.5	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
Iceland	Sản phẩm thủy sản	4.8	MFN – Thấp	Từ 3-10 năm, một số không áp dụng
	Máy tính, sản phẩm điện, phụ tùng và các thành phần của chúng	1.5	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm
	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và dụng cụ	3.3	MFN – Thấp	Hầu hết các mã hàng hóa sẽ được miễn thuế từ ngày ký kết hiệp định, một số trong vòng 7-10 năm

Nguồn: Hải quan Việt Nam, ITC, Hiệp định VEFTA, Mirae Asset Vietnam Research

Các tác động đến công ty niêm yết

Nhóm công ty xuất khẩu

- Như đã trình bày, ảnh hưởng tích cực từ hiệp định VEFTA dự kiến tập trung nhiều ở nhóm sản phẩm thủy sản và dệt may.
- Đối với ngành thủy sản, chúng tôi cho rằng VHC và ANV có thể hưởng lợi một phần khi cả hai công ty đều có tỷ trọng doanh thu tương đối đáng kể ở thị trường Châu Âu.
- Đối với ngành dệt may, mặc dù tác động chung vẫn ở mức nhẹ như đã phân tích, chúng tôi dự kiến TNG sẽ hưởng lợi tích cực hơn một số doanh nghiệp cùng ngành do tỷ trọng doanh thu từ thị trường Châu Âu cao. Trong khi đó, MSH và PPH dự kiến sẽ nhận được hiệu ứng tích cực ngang với trung bình ngành.

Dòng vốn FDI đến nhóm bất động sản khu công nghiệp

- Trong trung và dài hạn, chúng tôi đánh giá tích cực đối với triển vọng thu hút dòng vốn FDI từ châu Âu vào Việt Nam. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, tác động thực tế đến **nhóm bất động sản khu công nghiệp vẫn chưa đủ cơ sở để đánh giá**, do còn phụ thuộc vào tiến độ triển khai các dự án và khả năng chuyển đổi thành nhu cầu thuê đất khu công nghiệp.

Các công ty xuất khẩu					
Mã CP	Ngành	Sản phẩm chính	Doanh thu 2025 (tỷ VND)	% DT từ thị trường Châu Âu 2025	Đáp ứng nguồn gốc xuất xứ
VHC	F&B	Cá tra	12,068.7	~20%	Cao
ANV	F&B	Cá tra, cá rô phi	6,992.5	~10%	Cao
TNG	May mặc	Sản phẩm may	8,698.6	~40%	Cao
MSH	May mặc	Sản phẩm may	5,538.1	<10%	Cao
PPH	Sợi	Sợi chỉ may, sợi các loại	2,456.9	NA	Cao

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Các tác động đến công ty niêm yết (tt.)

Nhóm công ty nội địa

- Đối với các công ty niêm yết có doanh thu tập trung ở thị trường Việt Nam, chúng tôi cho rằng áp lực cạnh tranh sẽ phân hóa tùy vào từng ngành nghề.
- **Mặc dù tỷ trọng giá trị nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa cũng như mức thuế nhập khẩu trước khi ký kết VEFTA ở mức thấp, chúng tôi cho rằng VNM vẫn sẽ gặp một số áp lực cạnh tranh nhẹ khi thuế nhập khẩu dần về 0%, đặc biệt là ở các phân khúc cao cấp.**
- Trong khi đó, việc nhiều nhóm hàng hóa trong dài hạn được cắt giảm thuế khi nhập khẩu vào Việt Nam dự kiến sẽ có ảnh hưởng tích cực lên kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai bên và khối lượng thông quan hàng hóa. Chúng tôi cho rằng điều này sẽ có tác động tích cực đối với doanh thu của các công ty ngành Cảng biển Việt Nam. **GMD hiện sở hữu cơ sở hạ tầng cảng biển ở cả ba miền, do đó khả năng cao sẽ hưởng lợi từ hiệp định.**
- Chỉ một số ít sản phẩm bia rượu và nước giải khát được đưa vào lộ trình cắt giảm thuế (thời hạn hầu hết là 10 năm) và nhóm hàng này cũng không phải là nhóm xuất khẩu chủ lực của khối EFTA mà chỉ để phục vụ cho các thị trường ngách. Do đó, chúng tôi cho rằng tác động lên hoạt động kinh doanh của SAB là không nhiều.

Các công ty nội địa ở thị trường Việt Nam				
Mã CP	Ngành	Sản phẩm chính	Doanh thu 2025 (tỷ VND)	Ảnh hưởng từ hiệp định VEFTA
VNM	F&B	Sản phẩm từ sữa	63,723.5	Khả năng sẽ có một số áp lực cạnh tranh nhẹ từ sản phẩm sữa nhập khẩu
SAB	F&B	Bia và nước giải khát	26,249.0	Ít vì xuất khẩu bia rượu của các nước EFTA thấp
GMD	Cảng biển	Dịch vụ cảng biển và kho vận	5,956.0	Hưởng lợi từ việc tăng cường thương mại VN-EFTA

Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Phụ lục

Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu		Thang đánh giá ngành	
Mua	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên	Tích Cực	: Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Tăng Tỷ Trọng	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên	Trung Tính	: Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Nắm Giữ	: Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%	Tiêu Cực	: Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu
Bán	: Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống		
* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo. * Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai. * Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.			

Khuyến cáo
Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích
Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm
Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào sang tiếng Anh từ tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.
Đối tượng tiếp nhận được nhắm đến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có kiến thức đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán, và không có việc cá nhân nào tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo này sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định hoặc đối tượng của MAS và các chi nhánh đối với các yêu cầu về đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.
Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện các giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ người nào và người đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của các khách hàng cá nhân. Báo cáo không được dựa vào để thay thế cho việc thực hiện phán quyết độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này là kể từ ngày của tài liệu này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ chúng có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là biểu thị cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.
MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích đã chuẩn bị chúng. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh của MAS và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ có thể có các vị trí dài hoặc ngắn trong bất kỳ chứng khoán chủ đề nào vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường mở hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên giao đại lý hoặc bên đại lý. MAS và các chi nhánh của nó có thể đã có, hoặc có thể mong đợi tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.
Không một phần nào của tài liệu này có thể được sao chép hoặc tái tạo theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

District 8, Treasury Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54
Jakarta Selatan 12190
Indonesia

Tel: 62-21-5088-7000

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong

Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil

Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST
Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336